

Bản án số: 335/2025/DS-ST

Ngày 10-9-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thúy B – sinh năm 1963; Địa chỉ: Số F đường P, phường H, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị D – sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thanh T – sinh năm 2002; địa chỉ liên hệ: Số A đường B, phường C, TP Đà Nẵng. Bà D, bà T có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh H – sinh năm 1977; Địa chỉ: Số E đường H, phường H, TP Đà Nẵng - Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an thành phố Đ. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Đ; địa chỉ: Số F đường B, phường H, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Như M – Chức danh: Giám đốc; địa chỉ liên hệ: Số nhà B, đường A Khu B đường N, xã N, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Hồng Mỹ P – sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hoàng Thúy B – đại diện theo ủy quyền là bà Hoàng Thị D trình bày:**

Bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Trong khoảng thời gian quen biết nhau, bà H thường xuyên vay mượn tiền bà B. Trước thời điểm các bên ký kết Hợp đồng góp vốn vào ngày 01/6/2021, bà H nợ bà B số tiền là 33.620.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng) nhưng không có tiền trả nợ nên có rủi ro bà B dùng số tiền bà H đã vay của bà B để góp vốn vào Công ty TNHH Đ và sau này bà H sẽ phân chia lợi nhuận là các căn hộ theo tỷ lệ góp vốn. Theo đó, ngày 01/6/2021, bà H và bà B ký kết hợp đồng góp vốn để chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 04, đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 571610 do UBND thành phố Đ cấp ngày 22/10/2020 để đầu tư, xây dựng Dự án The One Tower, số F, đường B, phường H, thành phố Đà Nẵng nhằm hợp thức hoá các khoản vay giữa bà B và bà H.

Sau ký Hợp đồng góp vốn với bà Hoàng Thúy B vào ngày 01/6/2021 thì vào ngày 23/11/2021, bà H tiếp tục đại diện cho Công ty Đ ký Hợp đồng nguyên tắc với Công ty Cổ phần Q do bà Vũ Thị Thanh M1 làm người đại diện theo pháp luật để chuyển nhượng toàn bộ Dự Án. Công ty Cổ phần Q do bà M1 làm người đại diện theo pháp luật và cá nhân bà M1 đã trở thành thành viên góp vốn của Công ty Đ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Đ thay đổi lần thứ 03 vào ngày 21/01/2022. Tiếp theo, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty Đ vào ngày 23/3/2022, Hội đồng thành viên công ty gồm có Công ty Cổ phần Q, bà M1 và bà H. Tại biên bản các bên thỏa thuận và thống nhất chuyển nhượng cho bên thứ ba được các bên ký kết và đóng dấu của Công ty H1 Tất cả những sự kiện trên đều liên quan đến Dự án mà bà H đề nghị bà Hoàng Thúy B góp vốn và đã ký kết hợp đồng góp vốn với mục đích nhằm góp vốn đầu tư để nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự Án. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị Thanh H với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty không đưa bà Hoàng Thúy B vào làm thành viên góp vốn của Dự án nói trên cũng như không cung cấp bất kỳ thông tin gì về quá trình đầu tư, triển khai Dự án. Bà Hoàng Thúy B đã nhiều lần liên hệ với bà H mong muốn làm rõ các thông tin cũng như yêu cầu bà H giải thích về việc sử dụng tiền góp vốn của bà Hoàng Thúy B theo Hợp đồng góp vốn ký ngày 01/6/2021, yêu cầu trả lại số tiền đã góp nhưng bà H có tình né tránh không gặp mặt và không hợp tác với bà Hoàng Thúy B để giải quyết sự việc.

Bà Hoàng Thúy B có nộp đơn tố cáo bà Huỳnh Thị Thanh H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 BLHS và hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 BLHS tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ. Tuy nhiên, ngày 27/12/2023, bà B có nhận được phiếu hướng dẫn của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Đ với nội dung vụ việc nêu trong đơn tố cáo là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu của tội hình sự và đề nghị bà B khởi kiện vụ việc đến cơ quan Tòa án để được giải quyết theo quy định pháp luật.

Sau đó, bà Hoàng Thúy B có nộp đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Đ phải trả cho bà Hoàng Thúy B số tiền 33.620.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và đã được Tòa án thụ lý giải quyết số 300/TB-TLVA ngày 14/10/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu,

thành phố Đà Nẵng đã đến trại tạm giam Công an thành phố Đ để lấy lời khai của bà H với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại biên bản lấy lời khai, bà H thừa nhận đã nhận đủ số tiền nhưng cho rằng đây là các khoản vay cá nhân của bà H với bà Hoàng Thúy B và hoàn toàn không liên quan gì đến Công ty TNHH H1 Bà B nhận thấy Công ty TNHH Đ không có trách nhiệm đối với số tiền này nên bà Hoàng Thúy B đã nộp đơn rút đơn khởi kiện và vụ án được đình chỉ theo quyết định số 02/2025/QĐST - DS ngày 14/2/2025 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Nay để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thúy B, bà B kính đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng xác định quan hệ giữa bà H và bà B là quan hệ vay mượn tài sản. Đồng thời, quá trình bà H vay tiền của bà B là có lãi từ 6%-7% nhưng các bên không có tài liệu thỏa thuận lãi suất cụ thể. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 quy định lãi suất: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thúy B, kính đề nghị Tòa án buộc bà H trả lại cho bà Hoàng Thúy B số tiền là 33.620.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng) và thanh toán số tiền lãi tạm tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày là 10/9/2025 (1562 ngày) $33.620.000.000 \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 1562 \text{ ngày} = 14.387.158.000$ đồng. Tổng số tiền bà Hoàng Thúy B yêu cầu bà H thanh toán cho bà Hoàng Thúy B tạm tính đến ngày 10/9/2025 là $33.620.000.000 + 14.387.158.000 = 48.007.158.000$ đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ không trăm linh bảy triệu một trăm năm mươi tám ngàn đồng);

*** Bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Thanh H trình bày:**

Giữa bà Huỳnh Thị Thanh H và bà Hoàng Thúy B có quan hệ vay mượn tiền. Bà H là người vay mượn tiền bà B nhiều lần thông qua hình thức chuyển khoản, lãi suất theo nhiều mức khác nhau từ 6%-7%/tháng, đến ngày 01/6/2021 thì hai bên thống nhất số tiền gốc bà H nợ bà B là 33.620.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó bà Hoàng Thúy B yêu cầu bà Huỳnh Thị Thanh H ký hợp đồng góp vốn ngày 01/6/2021 để hợp thức hóa việc vay mượn thành hợp đồng góp vốn. Việc ký hợp đồng góp vốn là theo đề xuất của bà B và không liên quan gì đến công ty TNHH H1.

Sau khi ký hợp đồng góp vốn ngày 01/6/2021 thì bà Huỳnh Thị Thanh H đã nhiều lần thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho bà B nhưng tổng bao nhiêu thì bà Huỳnh Thị Thanh H không rõ vì số tiền rất nhiều. Do hiện nay bà Huỳnh Thị Thanh H đang bị tạm giam nên không sao kê được số tiền chuyển cho bà B tại ngân hàng, vì vậy bà Huỳnh Thị Thanh H không xác định được số tiền còn nợ bà B là bao nhiêu. Bà Huỳnh Thị Thanh H đề nghị cho bà Huỳnh Thị Thanh H 01 tháng (kể từ ngày 28.7.2025) để liên hệ gia đình và luật sư kiểm tra sao kê gửi tòa án.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đ- đại diện theo ủy quyền là bà Phan Hồng Mỹ P trình bày:**

Hợp đồng góp vốn giữa Công ty Đ và Hoàng Thúy B do đại diện pháp luật là bà Huỳnh Thị Thanh H ký kết ngày 01/06/2021.

Ngày 21/01/2022, Công ty Đ thay đổi thành viên góp vốn là bà Vũ Thị Như M và Công ty CP Q, đồng thời thay đổi đại diện pháp luật là bà Vũ Thị Như M. Như vậy, hợp đồng góp vốn được ký kết trước thời điểm bà H chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Đ cho bà M và Công ty Q.

Tuy nhiên, bà H không thông báo cho bà M và Công ty Q về sự tồn tại của hợp đồng góp vốn này và trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng góp vốn, bà B không có bất kỳ văn bản nào gửi Công ty H1 Đại diện pháp luật là bà M cũng như các thành viên góp vốn còn lại không được biết về hợp đồng góp vốn ngày 01/6/2021 giữa Công ty Đ và bà B.

Trên giấy đăng ký doanh nghiệp số 0402086399 thay đổi lần 2 và lần thứ 3 cũng không thể hiện tên thành viên góp vốn là bà B. Mặt khác, toàn bộ sổ sách kế toán của Công ty Đ trước và sau khi chuyển nhượng phần vốn góp cho bà M và Công ty Q cũng không hạch toán số tiền góp vốn của bà B. Bên cạnh đó, căn cứ Biên bản lấy lời khai 12/02/2025, tiến hành lấy lời khai của bà H có khai bà H và B chỉ ký chứ không nhận tiền, nhằm hợp thức hóa cho các khoản vay cá nhân, hoàn toàn không có việc bà B góp vốn vào Công ty H1 Việc chuyển nhượng cho bà M vào thời gian nào bà H không nhớ rõ. Bà M cũng như thành viên Công ty Đ hoàn toàn không biết gì. Đây là khoản vay cá nhân giữa bà H và bà B, Công ty Đ và bà M không có liên quan.

Căn cứ khoản 1 Điều 124 BLDS 2015, trích *“Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu...”*. Do đó, hợp đồng góp vốn giữa Công ty Đ và bà B nhằm che dấu hợp đồng vay vốn giữa bà H và bà B, cho nên hợp đồng vay vốn giữa Công ty Đ và bà B vô hiệu. Do đó, công ty Đ không có liên quan đến việc vay vốn cá nhân giữa bà H và Bà B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà

Huỳnh Thị Thanh H phải thanh toán cho bà Hoàng Thúy B tổng số tiền tính đến ngày 10/9/2025 là 48.007.158.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ không trăm linh bảy triệu một trăm năm mươi tám ngàn đồng); trong đó: tiền gốc là 33.620.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng) và thanh toán số tiền lãi từ ngày 01/6/2021 đến ngày 10/9/2025 là 14.387.158.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Hoàng Thúy B yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H trả số tiền đã góp vốn và trả tiền lãi theo Hợp đồng góp vốn ngày 01/6/2021 giữa Công ty TNHH Đ và bà Hoàng Thúy B. Do đó, tại thông báo thụ lý số 343/TB-TLVA ngày 11.6.2025 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng) xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số tiền tranh chấp giữa hai bên xuất phát từ hợp đồng vay tài sản cá nhân giữa bà Huỳnh Thị Thanh H và bà Hoàng Thúy B; giữa hai bên không có sự việc góp vốn theo Hợp đồng góp vốn ngày 01/6/2021. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà Hoàng Thúy B với bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Thanh H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thúy B đối với bà Huỳnh Thị Thanh H thì thấy:

[2.1] Vào ngày 01/6/2021, giữa Công ty TNHH Đ (đại diện theo pháp luật là bà Huỳnh Thị Thanh H) và bà Hoàng Thúy B ký hợp đồng góp vốn về việc nhận chuyển nhượng, đầu tư xây dựng dự án bất động sản The One T1, vị trí thực hiện dự án tại số F đường B, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 571610 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 22/10/2002); bà Huỳnh Thúy B1 (Bên B) góp vốn với giá trị đợt 01 là 33.620.000.000 đồng, giá trị đợt 02 là 30.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự thống nhất trình bày Công ty TNHH Đ không nhận số tiền góp vốn đợt 01 là 33.620.000.000 đồng theo hợp đồng góp vốn

ngày 01/6/2021 mà đây là khoản tiền bà Huỳnh Thị Thanh H nợ bà Hoàng Thúy B theo các hợp đồng vay trước đó. Do đó, không có cơ sở buộc Công ty TNHH Đ phải chịu trách nhiệm dân sự theo hợp đồng góp vốn; việc nguyên đơn là bà Hoàng Thúy B yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H là có cơ sở.

[2.2] Mặc dù bà Huỳnh Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có vay tiền của bà Hoàng Thúy B và đến thời điểm ngày 01/6/2021 còn nợ bà B số tiền gốc là 33.620.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tính đến ngày 01/6/2021, bà Huỳnh Thị Thanh H nợ bà Hoàng Thúy B số tiền gốc là 33.620.000.000 đồng. Xét giao dịch dân sự giữa bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H là không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc các bên tham gia ký kết theo Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự. Bà Hoàng Thúy B nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà Huỳnh Thị Thanh H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên bà B khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán 33.620.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của bà Hoàng Thúy B, HĐXX xét thấy: Bà Hoàng Thúy B và bà Huỳnh Thị Thanh H đều thừa nhận là việc vay tiền giữa hai bên có lãi nhưng các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức lãi suất; bà B trình bày không nhớ mức lãi suất cụ thể do vay nhiều lần khác nhau, bà H trình bày mức lãi suất từ 6%-7%/tháng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất vay giữa các bên là 10%/năm. Do hợp đồng vay có lãi nên ngoài số tiền gốc còn nợ thì bà H còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi cho bà B kể từ thời điểm xác nhận số tiền còn nợ vào ngày 01/6/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 10/9/2025 (1562 ngày), cụ thể như sau: $33.620.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 1562 \text{ ngày} = 14.387.158.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà Huỳnh Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thúy B là: $33.620.000.000 \text{ đồng} + 14.387.158.000 \text{ đồng} = 48.007.158.000 \text{ đồng}$ (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ không trăm linh bảy triệu một trăm năm mươi tám ngàn đồng).

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Thanh H cho rằng sau ngày 01/6/2021 đã trả được một phần tiền gốc và lãi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; bà B không thừa nhận lời trình bày của bà H nên không có cơ sở để HĐXX xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bị đơn là bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ thanh toán 48.007.158.000 đồng: $112.000.000 \text{ đồng} + 44.007.158.000 \text{ đồng} \times 0,1\% = 156.007.158 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thúy B đối với bà Huỳnh Thị Thanh H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh H phải thanh toán cho bà Hoàng Thúy B tổng số tiền là 48.007.158.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ không trăm linh bảy triệu một trăm năm mươi tám ngàn đồng); trong đó: tiền gốc là 33.620.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/6/2021 đến ngày là 10/9/2025 là 14.387.158.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 156.007.158 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu không trăm linh bảy ngàn một trăm năm mươi tám đồng).

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh

